TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **297/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2023
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bàn Đức Hiếu.
2. Ông Hoàng Văn Thiết.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án thụ lý số 134/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị T, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Thôn 4 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn 4 Mi, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Mai Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, cả hai được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện H ngày 26 tháng 5 năm 2004. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn 4 M, xã Y, huyện H; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng ham chơi, không tu trí làm ăn, ngược đãi vợ. Từ năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân,

không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, không thể quay về chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Mai Thị T xác định chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung, cháu Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2004; cháu Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009. Cháu Nguyễn Quốc H1 hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập nên chị không đề nghị giải quyết việc nuôi con chung đối với cháu H1. Khi ly hôn chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh H2, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Mai Thị T xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Nguyễn Văn H thể hiện tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2023: Anh xác định anh và chị Mai Thị T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, kết hôn năm 2004 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh không tu chí làm ăn, rượu chè, thường xuyên mắng chửi vợ con, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 thì chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng kéo dài, nhưng anh vẫn mong vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Tuyên có 02 con chung, cháu Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2004, cháu Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009. Cháu H1 hiện đã trên 18 tuổi có khả năng lao động và sống tự lập. Từ ngày sống ly thân cháu H2 ở với chị T, do chị T nuôi dưỡng, nếu chị T dứt khoát ly hôn anh nhất trí để chị T là người trực tiếp nuôi cháu H2, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị T có tài sản chung là nhà ở, nhà xây trên đất của bố mẹ anh, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh xác định anh và chị T không có vay nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện H đã gửi văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn H không đến Toà án để làm việc. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại thôn 4 M, xã Y, huyện H. Kết quả xác minh thể hiện, anh H hiện nay có nơi cư trú tại thôn 4 M, xã Y, anh H hiện vẫn ở nhà. Anh H và chị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn từ năm 2004; vợ chồng chị T và anh H có mâu thuẫn; về con chung của chị T và anh H đúng như

các đương sự đã trình bày; chị T và anh H có tài sản chung, vay nợ của vợ chồng không thấy có thông tin gì.

Cháu Nguyễn Mạnh H2 trình bày ý kiến, nếu bố mẹ không chung sống với nhau cháu muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; cháu Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2004, đã trên 18 tuổi, không xem xét giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu H1. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung ý kiến trình bày của chị T và anh H tự thoả thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của các đương sự, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 26 tháng 5 năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng. Từ năm 2022 đến nay chị T và anh H đã ly thân, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên cần xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giải quyết cho chị T ly hôn với anh H.

[2] Về con chung: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2004, cháu Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009, từ khi anh H và chị T sống ly thân cháu H2 ở cùng chị Tuyên, do chị Tuyên nuôi dưỡng, cháu H2 có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ, anh H cũng nhất trí chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 nếu vợ chồng không hàn gắn được. Nên giao cháu H2 cho chị Tuyên trực tiếp nuôi dưỡng, anh H khồng phải cấp dưỡng nuôi cháu H2 do chị T chưa yêu cầu. Cháu H1 hiện đã trên 18 tuổi, các đương sự không đề nghị giải quyết việc nuôi con chung đối với cháu H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H đều xác định không đề nghị giải quyết về tài sản, đất đai chung; vợ chồng không có vay nợ chung; không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị T và anh H, cũng như đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện anh H có nơi cư trú tại thôn 4 M, xã Y, huyện H, anh H có mặt tại địa phương. Các thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt.

Tại phiên toà chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, việc đề nghị được vắng mặt tại phiên toà của chị T không trái với các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Văn H không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 26 tháng 5 năm 2004 cho chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh H2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009 cho chị Mai Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa có yêu cầu; anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0006608 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Nguyễn Văn H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã Y (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Bàn Đức Hiếu - Hoàng Văn Thiết	**Hoàng Cao Tiến**